

TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2020

V/v: “Không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Dũng; Ông Phạm Ngọc Dung.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Không.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20/4/2020 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12/8/2020, về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T - Sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số nhà 147, khu 1 thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Bà Khúc Thị H Sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số nhà 147, khu 1 thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Duy T, vắng mặt bà Khúc Thị H (Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/ 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, ông Nguyễn Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 10 năm 1991, từ đó cho đến nay ông T và bà H chưa đăng ký kết hôn tại bất kỳ địa phương nào. Hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay ông

T xét thấy tình cảm giữa ông T và bà H không còn. Ông T đề nghị Toà án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:*

Ông T và bà H có 01 con chung là: Nguyễn Thị Trang (Giới tính: Nữ) sinh ngày 01/10/1992.

Cháu Trang đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ:*

Ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H tự thỏa thuận phân chia tài sản và phân chia trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Khúc Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà H và ông T sống chung với nhau từ tháng 10 năm 1991, đến nay bà H và ông T chưa đăng ký kết hôn ở địa phương nào. Bà H, ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hai người đã sống ly thân từ lâu. Nay ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông T và bà H không phải là vợ chồng. Bà H cũng xét thấy tình cảm giữa bà H và ông T không còn, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:*

Bà H và ông T có 01 con chung là: Nguyễn Thị Tr (Giới tính: Nữ) sinh ngày 01/10/1992.

Cháu Tr đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ:

Bà Khúc Thị H và ông Nguyễn Duy T tự thỏa thuận phân chia tài sản và phân chia trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa vụ trong qu, trnh gi li quyt v n Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về Không công nhận là vợ chồng đối với bà Khúc Thị H, bà H cư trú tại huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án không công nhận là vợ chồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Khúc Thị H vắng mặt, nhưng bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Duy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu HĐXX tiến hành

xét vắng mặt bà H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Khúc Thị H theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H chung sống từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2008 đến nay hai người không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông T nhận thấy không còn tình cảm gì với bà H nên ông T đề nghị Tòa án tuyên bố ông T và bà H không phải là vợ chồng là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con: Ông T và bà H có một con chung là Nguyễn Thị Tr (Giới tính: Nữ) sinh ngày 01/10/1992. Nay cháu Tr đã trưởng thành, ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ:

Ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H tự thỏa thuận phân chia tài sản và phân chia trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Duy T phải chịu án phí không công nhận là vợ chồng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng của ông Nguyễn Duy T.

Xử: Tuyên bố ông Nguyễn Duy T và bà Khúc Thị H không phải là vợ, chồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy T phải chịu tiền án phí không công nhận là vợ chồng sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0004641 ngày 16/4/2020, tại Chi cục Thi hành án dân

sự huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy ông Nguyễn Duy T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Duy T, vắng mặt bà Khúc Thị H. Ông Nguyễn Duy T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bà Khúc Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Kiên

Bùi Văn Tuấn

Hà Văn Phấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Vĩnh Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Văn Tuấn